

Bản án số:146 /2019/HS-ST
Ngày 19/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Bế Thiện;

Ông Trần Quảng Thái;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 19/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2019/TLST-HS ngày 30/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88 /2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Thành L, sinh ngày 28/12/1992, tại tỉnh Thái Nguyên (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Nam Tiến, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên; Giới tính:Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân sửa chữa ô tô; Nơi làm việc: Công ty cổ phần xây dựng giao thông II- Thái Nguyên; Địa chỉ:Phố Mỏ Bạch, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Vũ Tuấn N, sinh năm 1967, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2018 đến ngày 23/11/2018. Hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 (mẹ đẻ bị cáo);

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Nam Tiến, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên (có mặt);

+ Người chứng kiến:

1.Anh Lưu Xuân T, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Nam Đồng, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 00 phút ngày 20/11/2018, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tuần tra tại khu vực xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên phát hiện, bắt quả tang Vũ Thành L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe màu vàng đen, biển kiểm soát 20B1-353.85, phía trước chở 01 bao tải màu xanh, bên trong 03 túi nilon màu đen, trong các túi nilon này đựng **274** quả pháo-loại pháo trứng, dạng hình bóng đèn tròn, có khối lượng là **10,5 kg**. Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L và thu giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng theo quy định. Đồng thời, tạm giữ chiếc xe mô tô L sử dụng vận chuyển số pháo nói trên (BL 12;13).

Ngày 21/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành mở niêm phong, cân lại vật chứng bằng cân điện tử, xác định khối lượng chính xác số pháo thu giữ của L là **10,2 kg** (mười phẩy hai kilogam); Lấy ngẫu nhiên **20** vật trong tổng số **274** vật, có khối lượng **0,75 kg** (không phẩy bảy mươi lăm kilogam) niêm phong ký hiệu **M1** làm mẫu gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 13/KL-PC09 ngày 21/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên xác định : 20 (hai mươi) vật dạng hình bóng đèn tròn, một đầu hình trụ được bọc giấy màu vàng, dài 3,5cm, đường kính 2,6 cm, có gắn một sợi dây màu xanh, một đầu hình cầu được bọc giấy màu nâu, đường kính 4,1 cm, trong túi niêm phong ký hiệu **M1** là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ (BL35,36).

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận: L có quen biết Hoàng Trung D, sinh 1998, cư trú tại xóm Lâm Trường, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, L được biết D có pháo bán, qua trao đổi hai bên đã thỏa thuận: D bán cho L 280 quả pháo trứng với giá 5.600.000đ (giá 20.000đ/quả), L trả trước 2.000.000đ, còn lại 3.600.000đ khi nào có thì L trả D. Khoảng 20 h ngày 17/11/2018 L đã đến nhà D để nhận pháo và trả tiền theo thỏa thuận nêu trên. L đem túi pháo trên cất giấu tại bếp của gia đình L. Khoảng 16 giờ ngày 20/11/2018 trong lúc ngồi uống bia tại khu vực Cầu Đán, L tình cờ nói chuyện với một nam thanh niên không rõ nhân thân, nơi ở cùng ngồi tại quán, L nói có pháo bán với giá 25.000 đồng/quả, nam thanh niên đó đặt vấn đề mua toàn bộ số pháo của L, do đó L về nhà và sử dụng xe mô tô nói trên chở toàn bộ số pháo đã mua của D mang bán cho nam thanh niên này, khi L đi đến đoạn đường trước nhà văn hóa xã Tân Cương thì bị Tổ công tác phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án là **274** quả pháo như nêu trên, có khối lượng là **10,2 kg**, sau khi lấy mẫu giám định còn lại **9,45 kg**, hiện đang được lưu giữ , bảo

quản tại kho vật chứng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý (L xác định khi nhận Pháo từ D, L không đếm nên không phát hiện số pháo trên bị thiếu so với số pháo đã thỏa thuận mua bán với D).

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSTPTN ngày 30 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Vũ Thành L về tội **"Buôn bán hàng cấm"** theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thành L phạm tội **"Buôn bán hàng cấm"** theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Xác định bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 15-18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở cho việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật

Tổ tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tam gia tổ tụng này theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Vũ Thành L hoàn toàn thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên vì mục đích lợi nhuận. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác, chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Vũ Thành L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, độc quyền quản lý của Nhà nước về sản xuất, kinh doanh pháo nổ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội **“Buôn bán hàng cấm”** quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức rõ hành vi bị cáo đã thực hiện bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam”.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, song do thiếu ý thức tự giác rèn luyện, do đó vì mục đích lợi nhuận bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội nói trên. Đây là lần đầu bị cáo phạm tội nhưng là tội phạm nghiêm trọng, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại Cơ

quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai mua số pháo trên của Hoàng Trung D vào ngày 17/11/2018, trước khi đến nhà D lấy pháo, L có gọi điện thoại cho D để thỏa thuận giá cả. Đồng thời, L có cung cấp cho Cơ quan điều tra đặc điểm nhà ở của D. D thừa nhận do có quen biết L nên ngày 17/11/2018 L có gọi điện thoại mời D đi chơi và không thừa nhận có bán pháo cho L. Trong vụ án này Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh D có hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy việc khai báo của L thể hiện bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án; Ngày 17/9/2018 bị cáo phát hiện 02 đối tượng trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và đã kịp thời trình báo Công an xã Dạ Trạch, được Công an xã Dạ Trạch xác nhận. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.*); Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, được chính quyền địa phương xác nhận; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, do đó có đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Tạo cơ hội cho bị cáo nhận thấy chính sách khoan hồng của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà quyết tâm sửa chữa lỗi lầm. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự; Hướng dẫn tại Điều 2,4,5,6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị phạt từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ...Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo 01 khoản tiền là 20.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về vật chứng: - Căn cứ các quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án là **9,45** kg pháo còn lại sau giám định cần được tịch thu để tiêu hủy;

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe màu vàng đen, biển kiểm soát 20B1-353.85 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà B (đăng ký xe mang tên bà B). Việc

bị cáo sử dụng tài sản này làm phương tiện phạm tội bà B không biết, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà B tài sản này là có căn cứ.

[6] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định Hoàng Trung D có hành vi bán số pháo nêu trên cho L và không xác định được nhân thân, địa chỉ đối tượng đã thỏa thuận mua pháo của L, do đó Cơ quan điều tra xác định không đủ cơ sở xử lý các đối tượng này là có căn cứ;

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các quy định:

+ Điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 2,4,5,6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

+ Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Vũ Thành L** phạm tội: "**Buôn bán hàng cấm**"

2. Xử phạt bị cáo Vũ Thành L **15** (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, 30 tháng thử thách. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (19/4/2019);

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách ;

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

- Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 9,45 kg pháo còn lại sau giám định. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2018 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Thủ kho Vũ khí đạn Đại đội 29, Phòng Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên